TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **105**/2023/KDTM-ST
Ngày: 07/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Tình Thanh Phước
2. Bà Lê Thị Diệu Tuyến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Cao Thị Mỹ Trà – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà*:** Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2023/TLST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3078/2023/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4302/2023/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ N
Địa chỉ trụ sở: Số 499/4/3 đường Lê Quang Đ, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng P, sinh năm 1963; Địa chỉ: 11.6 Lầu 11 Lô B Chung cư 155 Nguyễn Chí T, Phường C, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 07/02/2023) (Có mặt).

Bị đơn: Công ty Cổ phần xây dựng V
Địa chỉ trụ sở: Phòng 8C, Lầu 8, số 343 đường Phạm Ngũ L, phường Phạm Ngũ L, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Đại V, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số 284/25/25 đường Lý Thường K, Phường M, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo phát luật. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ N do ông Phạm Hoàng P trình bày:

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ N (nguyên đơn) và Công ty Cổ phần xây dựng V (bị đơn) có ký kết hợp đồng mua bán số GUN/VT/015 về việc cung cấp gạch men cho công trình tại địa chỉ số 9 Visip II-A, đường H, khu công nghiệp Việt Nam – S II-A, xã V, huyện U, tỉnh D. Ngày 11/6/2019, hai bên tiếp tục ký phụ lục hợp đồng số GUN/VT/015-1.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng, thể hiện: Đơn đặt hàng số 01/GUN2E/UĐNTP ngày 10/6/2019; Phiếu nhập kho số N00012-21 ngày 17/6/2019; Phiếu nhập kho số N00013-21 ngày 18/6/2019; Phiếu nhập kho số N00016-21 ngày 19/6/2019; Phiếu nhập kho số N00017-21 ngày 19/6/2019; Phiếu nhập kho số N0001-26; Phiếu nhập kho số N00014-23 ngày 30/7/2019 và Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 30/7/2019.

Tổng giá trị hợp đồng là 173.402.342 đồng (theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000316 ngày 19 tháng 6 năm 2019 là 158.671.739 đồng). Ngày 19/6/2019, bị đơn chuyển khoản tiền tạm ứng hợp đồng 50% là 78.819.247 đồng và ngày 11/5/2020 bị đơn chuyển khoản thêm tiền tạm ứng hợp đồng là 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại bị đơn chưa thanh toán là 74.583.095 đồng. Nguyên đơn đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ còn lại (bị đơn có ký nhận) nhưng bị đơn không có thiện chí trong việc trả nợ, cụ thể vào các ngày 18/5/2017, ngày 09/10/2017, ngày 20/5/2018, ngày 27/6/2019, ngày 08/8/2019, ngày 12/5/2020, ngày 18/8/2020, ngày 20/11/2020, ngày 26/11/2020, ngày 04/12/2020, ngày 15/11/2021, ngày 31/3/2022 và ngày 02/2/2023.

Bị đơn đã vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng, gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho phía nguyên đơn. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng V thanh toán số tiền nợ là 124.257.479 đồng, trong đó nợ gốc là 74.583.095 đồng, tiền lãi tính đến ngày 20/6/2023 là 49.674.384 đồng, cụ thể:

- Tiền lãi từ ngày 20/7/2019 đến ngày 19/7/2020: 12 tháng x 17%/năm x 74.583.095 là 12.679.126 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 20/7/2020 đến ngày 19/7/2021: 12 tháng x 17%/năm x 74.583.095 là 12.679.126 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 20/7/2021 đến ngày 19/7/2022: 12 tháng x 17%/năm x 74.583.095 là 12.679.126 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 20/7/2022 đến ngày 20/6/2023: 335 ngày x 17%/năm x 74.583.095 là 11.637.006 đồng.

Công ty Cổ phần xây dựng V là bị đơn, chỉ giao nộp cho Tòa án bản photo của ông Trần Đại V. Ngoài ra, bị đơn không có mặt trong suốt quá trình tố tụng,

không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo các văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Công ty Cổ phần xây dựng V thanh toán số tiền còn nợ là 124.257.479 đồng, trong đó nợ gốc là 74.583.095 đồng, tiền lãi tính đến ngày 20/6/2023 là 49.674.384 đồng. Từ ngày 21/6/2023 đến ngày 07/7/2023 nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi.

Bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng V được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 124.257.479 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ N khởi kiện Công ty Cổ phần xây dựng V thanh toán số tiền 124.257.479 đồng của Hợp đồng mua bán số GUN/VT/015 ngày 10/6/2019. Bị đơn có trụ sở tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền

được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về pháp luật nội dung:

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn thanh toán số tiền mua bán gạch theo hợp đồng mua bán số GUN/VT/015 ngày 10/6/2019 còn nợ là 74.583.095 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.*

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập Hợp đồng mua bán số GUN/VT/015 ngày 10/6/2019, phụ lục hợp đồng số GUN/VT/015-1 ngày 11/6/2019.

Tại Điều V của hai Hợp đồng mua bán trên các bên thỏa thuận:

"...Bên A chịu trách nhiệm thanh toán đúng theo điều khoản thanh toán quy định. Đối với mọi thanh toán chậm trễ Bên A sẽ bị phạt bồi thường cho Bên B số tiền tương ứng bằng lãi suất chậm trả của ngân hàng Vietcombank trên tổng giá trị thanh toán chậm trễ, nhưng không vượt quá 8% giá trị của hợp đồng...".

Theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000316 ngày 19 tháng 6 năm 2019, bản khai của nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định được giá trị hợp đồng là 173.402.342 đồng. Kèm theo hợp đồng mua bán và bản khai, nguyên đơn còn xuất trình hóa đơn giá trị gia tăng số 0000316 ngày 19 tháng 6 năm 2019 là 158.671.739 đồng. Nguyên đơn xác nhận ngày 19/6/2019, bị đơn chuyển khoản tiền tạm ứng hợp đồng 50% là 78.819.247 đồng và ngày 11/5/2020 là 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại bị đơn chưa thanh toán là 74.583.095 đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ còn lại nhưng bị đơn không có thiện chí trong việc trả nợ, cụ thể vào các ngày 18/5/2017, ngày 09/10/2017, ngày 20/5/2018, ngày 27/6/2019, ngày 08/8/2019, ngày 12/5/2020, ngày 18/8/2020, ngày 20/11/2020, ngày 26/11/2020, ngày 04/12/2020, ngày 15/11/2021, ngày 31/3/2022 và ngày 02/2/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại quy định:

"1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận.

2. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật".

Căn cứ các chứng cứ nêu trên có căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền mua bán gạch là 74.583.095 đồng, do đó yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn thanh toán tiền mua bán gạch còn thiếu 74.583.095 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[3] *Xét yêu cầu đòi tiền lãi chậm thanh toán của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán trên dư nợ gốc 74.583.095 đồng tính từ ngày 20/7/2019. Theo quy định tại Điều IV thì bên A sẽ chịu lãi suất 0.1%/ ngày cho khoản nợ quá hạn thanh toán nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản giao nhận hoặc quy định tại Điều V thì bên A sẽ chịu mức lãi suất chậm trả của Ngân hàng Vietcombank trên tổng giá trị thanh toán chậm trễ, nhưng không vượt quá 8% giá trị của hợp đồng.

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005 quy định: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*.

Xét mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử Tòa án thu thập được của ba ngân hàng (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam: 10%/năm, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam: 12%/năm, Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam: 12.5%/năm) là 17,25%/năm, tương đương 1,4375%/tháng. Như vậy, mức lãi suất và số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu là thấp hơn so với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 20/7/2019 đến ngày 20/6/2023 là 49.674.384 đồng, cụ thể:

- Tiền lãi từ ngày 20/7/2019 đến ngày 19/7/2020: 12 tháng x 17%/năm x 74.583.095 là 12.679.126 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 20/7/2020 đến ngày 19/7/2021: 12 tháng x 17%/năm x 74.583.095 là 12.679.126 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 20/7/2021 đến ngày 19/7/2022: 12 tháng x 17%/năm x 74.583.095 là 12.679.126 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 20/7/2022 đến ngày 20/6/2023: 335 ngày x 17%/năm x 74.583.095 là 11.637.006 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi từ ngày 21/6/2023 đến ngày 07/7/2023.

Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 124.257.479 đồng. Thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 6.212.874 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 39, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần xây dựng V trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ N số tiền nợ mua bán gạch còn thiếu là 124.257.479 đồng, trong đó nợ gốc là 74.583.095 đồng, tiền lãi tính đến ngày 20/6/2023 là 49.674.384 đồng. Thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi từ ngày 21/6/2023 đến ngày 07/7/2023.

Các bên thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần xây dựng V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.212.874 đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.263.010 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0018444 ngày 28/2/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ N.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mạnh